

**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG MẠNH TÙNG GROUP**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG MẠNH TÙNG GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MANH TUNG GROUP CONSTRUCTION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3702849054

**3. Ngày thành lập:** 05/02/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 21/08 Khu phố Tân Phước, Phường Tân Bình, Thị Xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                     | Mã ngành                                                     |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                             | 4101(Chính)                                                  |
| 2.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                       | 4102                                                         |
| 3.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                 | 4211                                                         |
| 4.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                  | 4212                                                         |
| 5.  | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                      | 4221                                                         |
| 6.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                           | 4222                                                         |
| 7.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                            | 4223                                                         |
| 8.  | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                             | 4229                                                         |
| 9.  | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                      | 4291                                                         |
| 10. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                               | 4292                                                         |
| 11. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                               | 4659                                                         |
| 12. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                    | 4299                                                         |
| 13. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                        | 4311                                                         |
| 14. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                             | 4312                                                         |
| 15. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                         | 4322                                                         |
| 16. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                | 4329                                                         |
| 17. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                           | 4390                                                         |
| 18. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                                           | 7110                                                         |
| 19. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                                                                                | 7120                                                         |
| 20. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                        | 7710                                                         |
| 21. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                | 7730                                                         |
| 22. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                       | 4663                                                         |
| 23. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                | 4933                                                         |
| 24. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất                                                                                                                             | 6820                                                         |
| 25. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                         | 4321                                                         |
| 26. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                | 4330                                                         |
| 27. | Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện. | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 4.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: \_\_\_\_\_ Giới tính: \_\_\_\_\_  
Sinh ngày: \_\_\_\_\_ Dân tộc: \_\_\_\_\_ Quốc tịch: \_\_\_\_\_  
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: \_\_\_\_\_  
Số giấy chứng thực cá nhân: \_\_\_\_\_  
Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: \_\_\_\_\_  
Chỗ ở hiện tại: \_\_\_\_\_

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN MINH TÙNG Giới tính: Nam  
Chức danh: *Chủ tịch công ty kiêm giám đốc*  
Sinh ngày: 08/05/1993 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam  
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*  
Số giấy chứng thực cá nhân: 197319035  
Ngày cấp: 08/07/2019 Nơi cấp: Công an Tỉnh Quảng Trị  
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Phú Hưng, Xã Hải Phú, Huyện Hải Lăng, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam*  
Chỗ ở hiện tại: *Thôn Phú Hưng, Xã Hải Phú, Huyện Hải Lăng, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương